

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MAI SƠN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 25/2020/QĐST-HNGĐ

*Mai Sơn, ngày 26 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tiểu khu a, xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Trần Bá T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tiểu khu b, thị trấn H, L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Trần Bá T kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2014 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, N, huyện Mai Sơn vào ngày 02/12/2014.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị chung sống không hòa thuận, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, thuyên mâu thuẫn. Sau khi được hai bên gia đình cùng chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn

nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, mẫu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị H, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị H, anh T.

[2] Về con chung: Chị H, anh T có 02 con chung là các cháu Trần Bá Minh Kh, sinh ngày 04/04/2015 và cháu Trần Bảo A, sinh ngày 01/03/2018. Vợ chồng tự nguyện thỏa thuận sau khi ly hôn chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu Minh Kh và Bảo A cho tới khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) anh T nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 5.000.000đ/1 tháng cho cả 02 cháu cho tới khi 02 cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị H, anh T xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị H nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Trần Bá T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao các cháu Trần Bá Minh Kh, sinh ngày 04/04/2015 và cháu Trần Bảo A, sinh ngày 01/03/2018 cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho tới khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) anh T nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 5.000.000đ/1 tháng cho cả hai cháu thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 12/2020 cho tới khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị H, anh T xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000216 ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Kiều Anh**

